TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn L, sinh năm 1970 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lâm Thị Th, sinh năm 1980.

Cùng trú tại: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 05 năm 2019 bà Lâm Thị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Ông và bà Lâm Thị Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 có tổ chức lễ thành hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Ông xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông

được ly hôn với bà Lâm Thị Th. Trong quá trình chung sống ông và bà Th có hai người con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Lê Bích H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2007, hai người con chung do ông đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Tấn L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; ông đồng ý giao Lê Bích H cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2019 bị đơn bà Lâm Thị Th trình bày: Bà và ông Lê Văn L chung sống với nhau năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông L yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn với ông Lê Văn L. Về con chung bà và ông L có hai người con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Lê Bích H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2007, bà đồng ý giao người con chung tên Lê Tấn L cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Bích Hanh, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lâm Thị Th, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lâm Thị Th là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Lâm Thị Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông L và bà Th không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn L và bà Lâm Thị Th.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông L và bà Th có hai người con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Lê Bích H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2007, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Lê Tấn L, đồng ý gia người con chung tên Lê Bích H cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2019 bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Lê Bích H và đồng ý giao Lê Tấn L cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông L và bà Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp

với nguyện vọng của các người con chung Lê Tấn L và Lê Bích H thể hiện tại các Bản tự khai ngày 09 tháng 04 năm 2019 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông L và bà Th, giao người con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2005 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; giao người con chung tên Lê Bích H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2007 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L, bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông L, bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung ông L và bà Th không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông L phải chịu 300.000đ, ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn L và bà Lâm Thị Th.

- Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Lê Văn L và bà Lâm Thị Th, giao người con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2005 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; giao người con chung tên Lê Bích H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2007 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L, bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019112 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm , ông Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Lâm Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi CụcThi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều